



Name:

Class: 3.....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (09 - 13/08/2021)

Thời gian	Nội dung học									
Thứ 2 (09/08)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần) Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.									
	<table><tr><td> clean</td><td> cook</td><td> sleep</td><td> eat</td><td> shop</td></tr><tr><td> watch</td><td> draw</td><td> read</td><td> drink</td><td> dig</td></tr></table>	 clean	 cook	 sleep	 eat	 shop	 watch	 draw	 read	 drink
 clean	 cook	 sleep	 eat	 shop						
 watch	 draw	 read	 drink	 dig						

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

1  I'm cooking.  I'm not cooking.	2  He is reading.  He isn't reading.
3  She is running.  She isn't running.	4  They are cleaning.  They aren't cleaning.

3) Làm 01 phiếu “VOCABULARY & GRAMMAR 1”:

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook “NIK3 – Week 2” và làm *phiếu số 1*

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

1



I'm cooking.



I'm not cooking.

2



He is reading.



He isn't reading.

3



She is running.



She isn't running.

4



They are cleaning.



They aren't cleaning.

Thứ 3
(10/08)

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

1. Are you sleeping?	 Yes, I am.	 No, I am not.	3. Is she watching TV?	 Yes, she is.	 No, she isn't.
2. Is he watching TV?	 Yes, he is.	 No, he isn't.	4. Are they listening to music?	 Yes, they are.	 No, they aren't.

3) Làm 01 phiếu “REVIEW”

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook “NIK3 – Week 2” – làm phiếu số 2

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

Thứ 4
(11/08)

1. Are you sleeping?	 Yes, I am.	 No, I am not.	3. Is she watching TV?	 Yes, she is.	 No, she isn't.
2. Is he watching TV?	 Yes, he is.	 No, he isn't.	4. Are they listening to music?	 Yes, they are.	 No, they aren't.

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (3 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

1. What **are** you **doing**?



I **am** **painting**.

2. What **is** he **doing**?



He **is** **swimming**.

3. What **is** she **eating**?



She **is** **eating** pizza.

4. What **are** they **playing**?



They **are** **playing** football.

3) Làm 02 phiếu "GRAMMAR 2"

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook "NIK3 – Week 2" – làm phiếu số 3 + 4

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

1. What **are** you **doing**?



I **am** **painting**.

2. What **is** he **doing**?



He **is** **swimming**.

3. What **is** she **eating**?



She **is** **eating** pizza.

4. What **are** they **playing**?



They **are** **playing** football.

2) Làm 02 phiếu "GRAMMAR 1 + 2":

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook "NIK3 – Week 2" – làm *phiếu số 5 + 6*

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)
Con mở file nghe bên cạnh để nghe bài.

1. What **are** you **doing**?



I **am** **painting**.

2. What **is** he **doing**?



He **is** **swimming**.

3. What **is** she **eating**?



She **is** **eating** pizza.

4. What **are** they **playing**?



They **are** **playing** football.

2) Làm 01 phiếu "REVIEW"

Con vào Liveworksheets, chọn Workbook "NIK3 – Week 2" – làm phiếu số 7

3) Làm 01 phiếu trên TEAMS:

Con vào TEAMS và làm bài tập cô giao.

~ THE END ~